TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. LIÊN CHIỂU – TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **70**/2020/QĐST-HNGĐ	*Liên Chiểu, ngày 28 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55,81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 144/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu "*Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Trần Thị Ánh T – sinh năm 1977 và ông Trần Đức L – sinh năm 1975; cùng trú tại: Tổ 52, phường H, quận L, TP. Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đức L và bà Trần Thị Ánh T kết hôn năm 1975, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vả, hôn nhân bết tắc nên không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Nay cả hai ông bà xác định tình cảm không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Trần Đức L và bà Trần Thị Ánh T xác định có 02 con chung là Trần Đức Trung K – sinh ngày 31 tháng 7 năm 2005, Trần Thị Khánh Q – sinh ngày 18 tháng 6 năm 2011 và thống nhất thỏa thuận: Bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thị Khánh Q, ông L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Đức Trung K, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Đức L và bà Trần Thị Ánh T xác định không tài sản chung, không có nợ chung.

Xét thấy: Hôn nhân giữa ông Trần Đức L và bà Trần Thị Ánh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai tự nguyện ly hôn. Ông L và bà T cũng đã thỏa thuận được việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của con. Việc thỏa thuận của ông L và bà T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì

vậy chấp nhận yêu cầu của ông Trần Đức L và bà Trần Thị Ánh T về việc yêu cầu "*Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*".

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đức L và bà Trần Thị Ánh T thống nhất thuận tình ly hôn.

1.2 Về quan hệ con chung: Ông Trần Đức L và bà Trần Thị Ánh T xác định có 02 con chung là Trần Đức Trung K – sinh ngày 31 tháng 7 năm 2005, Trần Thị Khánh Q – sinh ngày 18 tháng 6 năm 2011 và thống nhất thỏa thuận: Bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thị Khánh Q, ông L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Đức Trung K, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Đức L và bà Trần Thị Ánh T xác định không tài sản chung, không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng ông Trần Đức L và bà Trần Thị Ánh T chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0004375 ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Ông L và bà T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- UBND X. T, H.T, T.Quảng Nam;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Hữu Vinh